

GIẢI PHÁP PHỤC HỒI SINH KẾ CỦA NGƯỜI DÂN KHAI THÁC THỦY SẢN GẦN BỜ BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG BIỂN 2016 TẠI MIỀN TRUNG: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI XÃ PHÚ DIÊN, HUYỆN PHÚ VANG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Đình Nhật Sơn*, Nguyễn Việt Tuấn

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

*Liên hệ email: dinhnhatson@huaf.edu.vn

TÓM TẮT

Mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu các giải pháp phục hồi sinh kế của người dân bị ảnh hưởng bởi sự cố ô nhiễm môi trường biển 2016 tại xã Phú Diên, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bài viết này thể hiện nghiên cứu các tác động của sự cố môi trường biển, giải pháp ứng phó trong thời gian xảy ra sự cố và giải pháp phục hồi sinh kế sau khi sự cố môi trường biển kết thúc. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích định tính và định lượng. Phân tích định tính các dữ liệu sơ cấp và thứ cấp, các dữ liệu sơ cấp được thu thập từ phỏng vấn 30 hộ khai thác thủy sản gần bờ, chịu ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển; phỏng vấn sâu các chuyên gia, người am hiểu của địa phương. Các dữ liệu thứ cấp được thu thập từ UBND và các tài liệu sách, báo, tạp chí...liên quan. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, sau khi sinh kế bị tổn thương bởi sự cố môi trường biển, người dân tại xã Phú Diên đã thực hiện 3 giải pháp phục hồi sinh kế đó là: (i) Giải pháp phục hồi trong nội bộ ngành nghề thủy sản; (ii) Giải pháp chuyển đổi sinh kế hoàn toàn; (iii) Giải pháp đa dạng hoá sinh kế hộ. Phục hồi nội bộ ngành nghề thủy sản là giải pháp được người dân tại đây sử dụng nhiều nhất với 86,67% hộ được phỏng vấn thực hiện và được 100% các hộ thực hiện đánh giá là mang lại hiệu quả phục hồi. Việc thực hiện các biện pháp này đã giúp cho sinh kế của người dân ổn định trở lại, 98,34% người dân thực hiện đánh giá thu nhập phục hồi trên 50% so với trước khi xảy ra sự cố, trong đó có 10% đánh giá thu nhập phục hồi hoàn toàn.

Từ khóa: Khai thác thủy sản ven bờ, sự cố môi trường biển, phục hồi sinh kế

Nhận bài: 18/11/2018

Hoàn thành phản biện: 25/12/2018

Chấp nhận bài: 10/01/2019

1. MỞ ĐẦU

Trong thực tế phát triển trên thế giới cũng như Việt Nam, những sự cố về môi trường hay thảm họa thiên nhiên mặc dù đã có những phòng tránh nhưng vẫn xảy ra rất nhiều. Sự cố ô nhiễm môi trường biển diễn ra vào 04/2016 do công ty trách nhiệm hữu hạn Gang thép Hưng Nghiệp Formosa (Công ty Formosa) xả nước thải chưa được xử lý ra môi trường gây ra những tác động về: (i) Hệ sinh thái và nguồn lợi thủy sản; (ii) Các hoạt động sinh kế về thủy sản; (iii) Trật tự và an sinh xã hội có tầm ảnh hưởng đến vùng biển 4 tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng nhất là sau khi sự cố xảy ra, giải pháp nào có thể phục hồi sinh kế cho người dân trong vùng. Đề cập đến phương pháp tiếp cận giải quyết vấn đề này, có nhiều quan điểm, phương pháp luận được đưa ra. Lý thuyết sinh kế được DFID (1999) đề cập đồng thời đưa ra giải pháp phục hồi sinh kế là các phương pháp để giải quyết các vấn đề sinh kế hiện tại, với mục đích trở lại sinh kế trước khi xảy ra các biến cố. Bên cạnh đó, DFID (2011) đã đưa ra khái niệm về khả năng phục hồi là quá trình thích nghi tốt khi đối mặt với nghịch cảnh, biến cố. Đề cập đến phương pháp xác định khả năng phục hồi: Đo lường khả năng phục hồi – Sử dụng sự thay đổi theo thời gian của các chỉ số khác nhau về phúc lợi của hộ gia đình để đo lường khả năng phục hồi (Walsh, 1996).

Trên thế giới, từ những năm 50 của thế kỷ XX, các nhà khoa học đã bắt đầu nghiên cứu các vấn đề về sự cố môi trường và tác động đến sinh kế. Tháng 12 năm 2004, xảy ra sóng thần tại Aceh, Indonesia gây ảnh hưởng nặng nề đến cuộc sống của người dân tại đây. Sau thảm họa, chính phủ Indonesia với sự tham gia của các nhà hảo tâm trên thế giới, họ đã thành lập một dự án phục hồi sinh kế sau thảm họa sóng thần. Năm 2009, Thorburn đã nghiên cứu và chỉ ra rằng, thu nhập năm 2007 vẫn ít hơn so với 1 năm trước khi xảy ra sóng thần một lượng lớn...thu nhập của các hộ gia đình đã giảm kể từ lúc xảy ra sóng thần. Tuy nhiên sau 2,5 năm thu nhập của 92% hộ gia đình đã hồi phục so với mức trước khi sóng thần xảy ra, 8% phần còn lại thu nhập ít nhất phục hồi ở mức đáp ứng nhu cầu cơ bản. Bên cạnh đó, khoảng 35% các hộ được phỏng vấn cho rằng tình hình kinh tế của họ tốt hơn so với trước khi xảy ra sự cố (Thorburn, 2009).

Năm 2008, Régnier và cộng sự đã nghiên cứu phục hồi sinh kế sau thảm họa sóng thần ở Aceh, Indonesia và Tamil Nadu, Ấn Độ: Tại Indonesia và Ấn Độ sau khi xảy ra sự cố, có 2 loại can thiệp chính: (i) Xây dựng lại quy mô, cơ sở hạ tầng lớn hơn; (ii) Phục hồi lại các nguồn sinh kế trước khi xảy ra sự cố. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra một số hạn chế như: (i) Chưa xác định rõ ràng được tính bền vững của các biện pháp phục hồi. (ii) Chưa có sự liên kết giữa các NGOs để phát triển các biện pháp phục hồi tốt hơn nhằm giảm lỗ hổng và các mối nguy hiểm khác. (iii) Các sự giúp đỡ, cứu trợ có thực sự được đến với người dân hay không, hay bị chuyển qua các luồng khác hoặc tham nhũng (Régnier, 2008).

Sự cố môi trường biển ở miền Trung Việt Nam, sự cố này đã ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh và đời sống của khoảng 510 nghìn người thuộc 130 nghìn hộ dân ở 730 thôn/xóm tại 146 xã/phường/thị trấn của 22 huyện vùng ven biển thuộc 04 tỉnh Miền Trung. Sản lượng khai thác giảm mạnh, ước tính khoảng 1.600 tấn/tháng (Bộ NN & PTNT, 2018). Thừa Thiên Huế là một trong 4 tỉnh chịu sự ảnh hưởng của sự cố môi trường biển. Hiện tượng cá chết hàng loạt xảy ra tại các huyện Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang và Phú Lộc. Đối với hoạt động khai thác thủy sản, số tàu thuyền thiệt hại là 4.160 chiếc, trong đó tàu không lắp máy là 1.676 chiếc, tàu có lắp máy là 2.484 chiếc; tổng số tàu khai thác đầm phá là 8.439 chiếc, trong đó có 5.211 tàu không lắp máy và 3.228 tàu lắp máy, với tổng số 17.112 lao động khai thác bị ảnh hưởng trực tiếp. Ngoài ra, sự cố môi trường biển còn ảnh hưởng đến rất nhiều các mặt khác về kinh tế và xã hội (Nguyễn Quang Phục và Lê Anh Quý, 2017)

Tại tỉnh Quảng Trị, sau sự cố môi trường biển chỉ có 34,44% số hộ được phỏng vấn không có đất sản xuất nông nghiệp và số lao động không có việc làm tăng mạnh từ 5 đến 107 lao động trên địa bàn nghiên cứu. Việc sử dụng tiền đền bù 67,96 triệu đồng vào các mục đích: (i) Tiết kiệm; (ii) Đầu tư tái sản xuất; (iii) Trả nợ và tác giả đã kết luận rằng việc sử dụng tiền đền bù tại đây là chưa hợp lý. Qua nghiên cứu này, tác giả đã đưa ra những giải pháp nhằm cải thiện sinh kế như: (i) Khôi phục và phát triển khai thác thủy sản; (ii) Khôi phục và phát triển nuôi trồng thủy hải sản; (iii) Phát triển ngành nông nghiệp gồm trồng trọt và chăn nuôi; (iv) Khôi phục và phát triển du lịch biển (Lê Thị Ái Liên, 2018).

Như vậy, sau các sự cố nhiều nghiên cứu cũng đã chỉ ra các giải pháp can thiệp và kết quả phục hồi sinh kế ở cho người dân và kết quả đạt được rất khác nhau. Các giải pháp đưa ra còn tùy thuộc vào điều kiện cụ thể các vùng khác nhau, phạm vi ảnh hưởng khác nhau. Mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu các giải pháp phục hồi sinh kế của người dân bị ảnh hưởng bởi sự cố ô nhiễm môi trường biển 2016 tại xã Phú Diên, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghiên cứu này đi sâu phân tích về các giải pháp phục hồi của các hộ khai thác thủy sản

gần bờ bị ảnh hưởng sau 2 năm xảy ra sự cố, từ đó đề xuất hoạt động sinh kế sau sự cố ổn định, bền vững cho người dân tại các khu vực bị ảnh hưởng.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu chính là phân tích thực trạng của vùng và thiệt hại về sản lượng khai thác, sinh kế của người dân và những hoạt động phục hồi sinh kế của hộ dân sau sự cố ô nhiễm môi trường biển năm 2016 và tác động phục hồi của nó đến sinh kế.

2.1. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của bài viết này là các giải pháp phục hồi sinh kế của ngư dân khai thác thủy sản gần bờ chịu ảnh hưởng từ sự cố ô nhiễm môi trường biển năm 2016 trong phạm vi thời gian từ 2015 đến 2018, tại xã Phú Diên, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nội dung chính là nghiên cứu những giải pháp phục hồi sinh kế của hộ dân sau sự cố ô nhiễm môi trường biển năm 2016 và tác động của nó đến sinh kế.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Đối với số liệu thứ cấp: Thu thập từ các sách, báo, tạp chí, các công trình nghiên cứu đã được công bố, luận văn, báo cáo chuyên môn của cá nhân, cơ quan; niên giám thống kê, báo cáo kinh tế - xã hội của UBND các cấp.

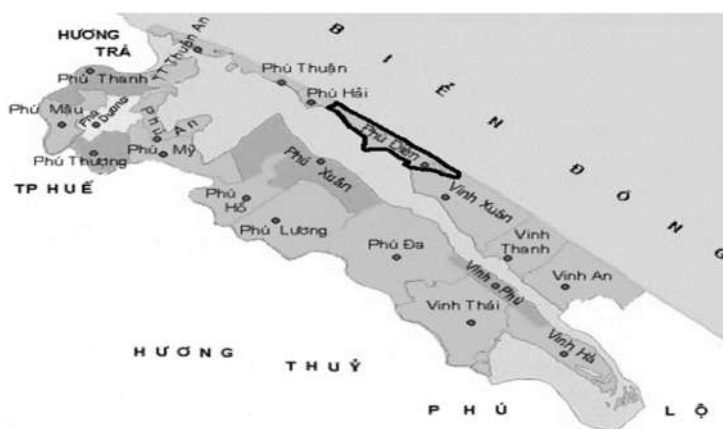
Đối với số liệu sơ cấp: Phỏng vấn trực tiếp bằng bảng hỏi bán cấu trúc đối với 30 hộ dân ngư dân bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển 2016 và đang thực hiện các hoạt động phục hồi sinh kế bằng phương pháp chọn ngẫu nhiên, không lặp lại từ danh sách các hộ khai thác thủy sản do UBND xã cung cấp; cách 3 hộ lấy 1 hộ cho đến khi đủ 30 hộ. Ngoài ra, phỏng vấn trực tiếp người dân am hiểu, cán bộ chức trách địa phương.

2.2.2. Phương pháp xử lý số liệu và phân tích số liệu

Số liệu được ghi lại và xử lý bằng phần mềm excel 2013. Phương pháp tổng hợp, so sánh, thống kê mô tả được sử dụng để phân tích số lượng các hộ tham gia vào các hoạt động phục hồi sinh kế sau sự cố môi trường biển 2016, và hiệu quả của hoạt động đó.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Sơ lược về xã Phú Diên và hoạt động khai thác thủy sản gần bờ



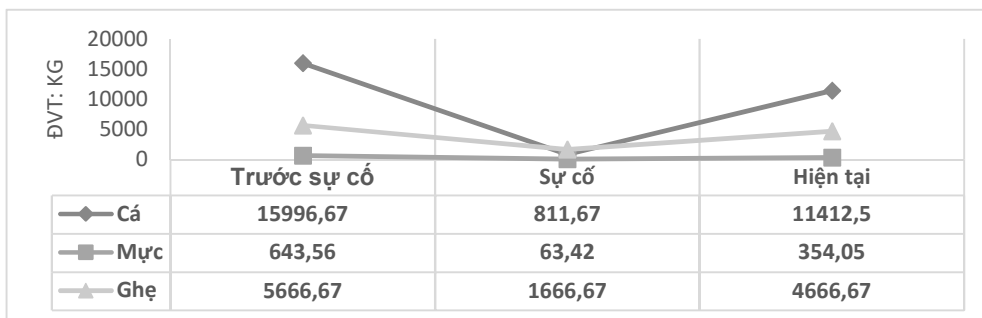
Hình 1. Bản đồ xã Phú Diên và huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Xã Phú Diên là 1 trong những xã chịu tác động của sự cố môi trường biển tại tỉnh Thừa Thiên Huế, là một xã ven biển và đầm phá Tam Giang – Cầu Hai nằm về phía Đông của huyện Phú Vang, với tổng diện tích tự nhiên 1.396,66 ha, nằm ở toạ độ 17,526° đến 17,557° vĩ độ Bắc. Xã Phú Diên có điều kiện thuận lợi về khai thác thủy hải sản với 7,5 km giáp biển Đông và phía Tây giáp phá Tam Giang, xã có 5 trên tổng số 7 thôn là sống nhờ hoạt động khai thác thủy sản (biển và đầm phá) là: Phương Diên, Diên Lộc, Kế Sung Thượng, Thanh Mỹ, Mỹ Khánh. Việc khai thác thủy sản gần bờ tập trung chủ yếu vào 3 thôn: Phương Diên, Mỹ Khánh và Diên Lộc.

Đối với ngành thủy sản tại địa phương năm 2017, tổng sản lượng thủy sản ước 1.569 tấn/1.100 tấn kế hoạch tăng 496 tấn so với năm 2016. Giá trị sản lượng thủy sản ước 59.910 triệu đồng/38.900 triệu đồng kế hoạch. Nuôi trồng thủy sản: Vụ nuôi năm 2017 là một năm tiếp tục nuôi trồng có lãi. Với diện tích thả nuôi 124,1 ha/126,29 ha (giảm 2,19 ha nuôi trên cát). Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 312 tấn/217 tấn, tăng 95 tấn so với năm 2016. Đánh bắt thủy sản: Tổng sản lượng đánh bắt ở biển và đầm phá ước 1,257 tấn/850 tấn kế hoạch (trong đó đầm phá 87 tấn/70 tấn kế hoạch) tăng 407 tấn so với năm 2016, do nguồn lợi thủy sản bắt đầu khôi phục trở lại. Theo danh sách tàu thuyền do UBND xã cung cấp thì toàn xã có tổng cộng 302 chiếc thuyền đăng kí khai thác thủy sản gần bờ, trong đó, tàu dưới 20 CV là 184 chiếc, chiếm 60,93%; còn lại là tàu thuyền từ 20 – 90 CV. Việc có số lượng lớn tàu dưới 20 CV cho ta thấy, khai thác thủy sản ở đây chủ yếu là gần bờ và mức độ ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển tại đây là rất lớn.

3.2. Ảnh hưởng của sự cố môi trường biển đến sản lượng khai thác tại vùng nghiên cứu

Tháng 4/2016 biển ở đây xảy ra các hiện tượng như: nước biển hôi tanh, cá chết hàng loạt và trôi dạt vào bờ... Tại Phú Diên, có 3 loại thủy sản được đánh bắt chủ yếu là cá, mực và ghẹ và trong thời gian xảy ra sự cố này, thì lượng thủy sản đã tụt giảm nghiêm trọng. Hình 2 cho ta thấy được sự suy giảm sản lượng khai thác của cả 3 loại thủy sản trong thời gian xảy ra sự cố, ngoài ra trong thời gian này có rất nhiều loài thủy sản bị mất như cá sam, cá la la, mực nang và một số loài thủy sản tầng đáy. Với lượng thủy sản khai thác được thấp, bên cạnh đó, giá bán của các loại thủy sản bị suy giảm nghiêm trọng, trong giai đoạn xảy ra sự cố, nhiều hộ dân đã phải thực hiện việc dừng hoặc giảm khai thác, việc này gây ảnh hưởng đến sinh kế của người dân trong giai đoạn sự cố môi trường xảy ra.



(Nguồn: Phòng vấn hộ 2018)

Hình 2. Biểu đồ thể hiện sự thay đổi sản lượng khai thác qua 3 giai đoạn tại xã Phú Diên.

Hình 2 cho ta thấy được sự suy giảm sản lượng khai thác của cả 3 loại thủy sản trong thời gian xảy ra sự cố, ngoài ra trong thời gian này có rất nhiều loài thủy sản bị mất như cá

sam, cá la la, mực nang và một số loài thủy sản tầng đáy. Với lượng thủy sản khai thác được thấp, bên cạnh đó, giá bán của các loại thủy sản bị suy giảm nghiêm trọng, trong giai đoạn xảy ra sự cố, nhiều hộ dân đã phải thực hiện việc dừng hoặc giảm khai thác, việc này gây ảnh hưởng đến sinh kế của người dân trong giai đoạn sự cố môi trường xảy ra.

Bảng 1. Sự thay đổi hoạt động khai thác tại xã Phú Diên

Chỉ số	Đơn vị tính	Trước sự cố	Sự cố	Hiện tại
Ngày khai thác	ngày/tháng	21,33	12,67	21,63
Thời gian khai thác	giờ/ngày	13,80	8,43	13,80
Sản lượng khai thác	kg/ngày	1053,06	145,58	801,39
Thu nhập/lao động/tháng	1.000 đ	10.297,22	788,06	7.355,56
Tồn thất	kg		3.560,0	

(Nguồn: Phỏng vấn hộ 2018)

Trong thời gian xảy ra sự cố các hoạt động khai thác trong thời gian xảy ra sự cố vẫn còn, tuy nhiên sản lượng khai thác bình quân trên ngày giảm mạnh từ 1.053,06 kg xuống còn 145,58 kg, song song với đó, thu nhập cũng giảm theo đáng kể có lúc không bán được. Ngày khai thác trung bình của các hộ giảm xuống còn một nửa so với trước kia, và thời gian khai thác trong thời gian này cũng giảm từ 13,8 giờ xuống còn 8,4 giờ.

Sau khi sự cố kết thúc, sinh kế phụ thuộc vào biển đang từng bước phục hồi, khai thác thủy sản gần bờ cũng vậy. Sau 2 năm xảy ra sự cố, tại thời điểm điều tra 4/2018, mọi chỉ số đang được phục hồi trở lại và hầu như trở lại như trước sự cố xảy ra. Tuy nhiên, với lượng lớn thủy sản chết và biến mất thì sản lượng phục hồi vẫn đạt từ khoảng 50 – 75%. Việc không thể tiếp tục trong thời gian xảy ra sự cố làm cho họ phải đi kiếm các ngành nghề thay thế trong thời gian này như: Phụ xây, chế biến thủy sản: làm mắm ruốc, xẻ cá...; phụ gia đình bán vàng mã, tạp hoá... hay đầu tư vào các sinh kế khác như nuôi bò, nuôi gà. Sau khi được khai thác trở lại những hoạt động này hầu như cũng bị dừng lại và những người bám biển lại quay về với sinh kế chính của mình.

3.3. Giải pháp phục hồi sinh kế được người dân khai thác thủy sản thực hiện tại địa phương nghiên cứu

Để có thể dễ dàng phân tích các giải pháp phục hồi sinh kế có phù hợp với đặc điểm sinh kế khai thác thủy sản ở địa bàn nghiên cứu hay không, ta có thể phân tích một số đặc điểm của khai thác thủy sản gần bờ như sau:

Bảng 2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu của hoạt động khai thác thủy sản tại địa phương

<p>Điểm mạnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có vị trí thuận lợi trong ngành KTTS. - Lao động KTTS là những người từng hoạt động lâu dài trong ngành nghề khai thác thủy sản và các ngành nghề DV, hậu cần thủy sản; có kinh nghiệm về KTTS và thị trường tiêu thụ KTTS tại địa phương 	<p>Điểm yếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lao động KTTS không có nhiều kinh nghiệm trong các ngành nông nghiệp khác như trồng trọt, chăn nuôi; tuổi đời cao (53 tuổi); ít lao động trẻ - Diện tích đất cho nông nghiệp còn hạn chế, đất đai chủ yếu là đất cát và đất cát pha
<p>Cơ hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự hỗ trợ của các chính sách của Nhà nước về việc làm, hỗ trợ kỹ thuật chuyển đổi sinh kế... - Có nguồn kinh phí lớn từ đền bù của Nhà nước sau sự cố môi trường biển 2016. - Biển an toàn cho khai thác 	<p>Thách thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tâm lý người tiêu dùng còn dè dặt, e ngại về các sản phẩm từ biển. - Thủy sản suy giảm về số lượng và số loài. - Thị trường có sự thay đổi. - Thị trường các ngành nghề khác chưa rõ ràng

(Nguồn: Thảo luận nhóm, 2017)

Chú thích: KTTS: Khai thác thủy sản

Chính phủ đã ban hành các văn bản chính sách như: Nghị định số 17/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 67/2014/NĐ-CP và Công văn số 7268/BNN-TCTS ban hành ngày 29 tháng 8 năm 2016 về hướng dẫn khôi phục sản xuất về nuôi trồng, khai thác thủy sản, sản xuất muối và giám sát ATTP tại 4 tỉnh miền Trung; Quyết định số 772/QĐ-TTg về cho vay vốn khôi phục sản xuất và hỗ trợ bảo hiểm y tế, học phí...; Nghị định 17 hỗ trợ tiền đóng tàu công suất lớn để khai thác xa bờ... Bên cạnh sự hỗ trợ của Chính phủ, người dân đã thực hiện những giải pháp riêng của mình như sau:

3.3.1. Giải pháp đầu tư, nâng cấp trong nội bộ ngành nghề thủy sản

Do từ nhỏ người dân địa phương đã sống bám biển, kết hợp với diện tích đất cho nông nghiệp ít nên giải pháp quay lại với nghề cũ và phát triển nó là giải pháp được lựa chọn hàng đầu với 86,67% hộ dân thực hiện.

Bảng 3 cho thấy đối với giải pháp phát triển nội bộ ngành nghề thủy sản, người dân lao động tập trung vào các hoạt động phục hồi hay mua mới các công cụ lao động và phương tiện lao động với mục đích phục hồi nhanh nhất sinh kế trở lại như trạng thái ban đầu, được thực hiện nhiều nhất là hoạt động sắm mới ngư cụ sản xuất với 33,33% hộ thực hiện và mức đầu tư bình quân gần 6 triệu đồng, bên cạnh đó, giải pháp sửa chữa lại máy móc tàu thuyền được ít hộ thực hiện với 23,33% và mức đầu tư là 5,5 triệu đồng. Việc mua xuồng, mua máy lắp thuyền cũng được 26,67% hộ thực hiện với mức đầu tư hơn 27,5 triệu đồng. Theo điều tra, đa số các hộ nâng cấp tàu thuyền đều nâng từ tàu dưới 10 CV lên các tàu công suất lớn hơn (từ 20 – 50CV). Ngoài các hoạt động tác động đến công cụ lao động, có 10,00% hộ thực hiện việc thay đổi nhân lực với 1,0 nhân lực bình quân cho việc tăng, giảm phù hợp với thuyền và kinh tế của hộ gia đình.

Bảng 3. Giải pháp phát triển nội bộ ngành nghề thủy sản tại địa bàn nghiên cứu

Hoạt động	% hộ thực hiện	Đầu tư trung bình/hộ (1.000 đ)	Số nhân lực thay đổi (người)
Sửa chữa máy móc, thuyền	23,33	5.583,0	-
Mua xuồng, thuyền, máy lắp thuyền	26,67	27.545,0	-
Sắm thêm ngư cụ	33,33	5.920,0	-
Thay đổi nhân lực	10,00	-	1,0

(Nguồn: Thảo luận nhóm và phỏng vấn hộ, 2018)

3.3.2. Giải pháp chuyển đổi sinh kế hoàn toàn

Đối với giải pháp chuyển đổi sinh kế hoàn toàn, theo thảo luận nhóm và phỏng vấn hộ, chỉ có 3 hoạt động sinh kế trong giải pháp này: (i) Làm thuê tại chỗ; (ii) Di cư lao động; (iii) Xuất khẩu lao động.

Các hoạt động trong giải pháp chuyển đổi sinh kế hoàn toàn chỉ tập trung chủ yếu vào việc thực hiện các công việc không đòi hỏi nhiều vào các nguồn vốn sinh kế như: Tự nhiên, tài chính, vật chất. Các hoạt động này chủ yếu là các hoạt động họ vẫn thường làm thêm như: Phụ xây, phụ bán hàng... Di cư lao động là hoạt động được thực hiện nhiều nhất trong giải pháp chuyển đổi sinh kế hoàn toàn này, và họ đi vào các trung tâm công nghiệp ví dụ như: Bình Dương, Sài Gòn, Đồng Nai... những nơi đang có con cái của họ đang sống và làm việc, chủ yếu là làm công nhân hoặc phụ xây, với 6,67% hộ thực hiện và thu nhập bình quân đạt 5.500,0 nghìn đồng/lao động/tháng. Làm thuê tại chỗ và xuất khẩu lao động với 3,33% hộ thực hiện, tuy nhiên làm thuê tại chỗ được đánh giá mang lại hiệu quả kinh tế không cao với mức thu nhập của người lao động chỉ khoảng 2 triệu đồng/tháng. Đối với xuất khẩu lao động, tuy mức thu nhập bình quân khá cao, tuy nhiên việc sống và lao động ở nước ngoài khá vất vả và cũng được đánh giá mang lại hiệu quả không cao.

Bảng 4. Giải pháp chuyển đổi sinh kế hoàn toàn tại địa bàn nghiên cứu

Hoạt động sinh kế	% hộ thực hiện	Thu nhập bình quân/ lao động/tháng (1.000 đ)
Làm thuê tại chỗ	3,33	2.000
Di cư lao động	6,67	5.500
Xuất khẩu lao động	3,33	10.00 – 13.000

(Nguồn: Thảo luận nhóm và phỏng vấn hộ 2018)

3.3.3. Giải pháp đa dạng hoá sinh kế

Đây là giải pháp kết hợp loại hình khai thác thủy sản với các loại hình sinh kế khác nhằm nâng cao, phát triển kinh tế.

Bảng 5. Các hoạt động sinh kế kết hợp với khai thác thủy sản gần bờ tại địa bàn nghiên cứu

Loại hình	% hộ thực hiện	Thu nhập bình quân/lao động/tháng (1.000 đ)
Chế biến thủy sản	3,33	3.232,76
Buôn bán thủy sản	3,33	3.300,0
Làm thuê tại địa phương	6,67	2.000,0

(Nguồn: Thảo luận nhóm và phỏng vấn hộ, 2018)

Các hoạt động này phần lớn trước kia người dân đều đã từng làm hoặc tại địa phương có người làm, số lượng người tăng thêm nhiều nhất ở việc làm thuê tại chỗ với 6,67% bằng những công việc tay chân như: Phụ xây, bán hàng... các loại hình chế biến thủy sản thì chế biến mắm và đưa ra bán, trước kia người dân chỉ làm để ăn trong nhà, ít khi sử dụng để buôn bán, thu nhập mang lại của họ vào khoảng 3.232,76 nghìn đồng/lao động/tháng.

4. KẾT LUẬN

Sự cố môi trường biển 2016 đã ảnh hưởng đến sinh kế của người dân thực hiện hoạt động khai thác thủy sản gần bờ tại xã Phú Diên, huyện Phú Vang với sản lượng thủy sản khai thác giảm từ 1.053,06 kg xuống 145,58 kg; thu nhập cũng giảm từ 10.297,22 nghìn đồng/lao động/tháng xuống 788,06 nghìn đồng/lao động/tháng. Cuộc sống của người dân trong thời gian này trở nên khó khăn.

Nhà nước đã có nhiều hỗ trợ về chính sách để tạo điều kiện, cơ hội cho người dân phát triển sinh kế nghề cá và ổn định cuộc sống. Có 3 giải pháp phục hồi sinh kế được người dân tại xã Phú Diên, huyện Phú Vang thực hiện trong thời điểm nghiên cứu. Giải pháp phục hồi trong nội bộ ngành nghề thủy sản được thực hiện nhiều nhất với 86,67% hộ dân được phỏng vấn thực hiện và được đánh giá là 100% hiệu quả. Trong đó, hoạt động sắm thêm ngư cụ được thực hiện nhiều nhất với 33,33% hộ được phỏng vấn thực hiện với mức đầu tư bình quân gần 6 triệu đồng.

Sau sự cố ô nhiễm môi trường biển 2016, khai thác thủy sản đang phục hồi trở lại với hơn 100% hộ được phỏng vấn khẳng định phục hồi hơn 50% về chuyển khai thác, giờ khai thác. Thu nhập của người dân sau sự cố ô nhiễm môi trường biển đang được phục hồi. Sau một năm thực hiện các biện pháp, có 98,34% hộ phỏng vấn cho rằng thu nhập của họ đã phục hồi trên 50%, trong đó, có 10% cho rằng thu nhập của họ đã phục hồi hoàn toàn

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tiếng Việt

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2018). *Báo cáo tổng kết hoạt động ban chỉ đạo về các giải pháp để ổn định đời sống và sản xuất kinh doanh cho người dân 04 tỉnh Miền Trung bị ảnh hưởng sự cố môi trường.*
- Lê Thị Ái Liên. (2018). *Sinh kế của ngư dân sau sự cố môi trường biển tại các xã ven biển huyện Triệu*

Phong, tỉnh Quảng Trị. Luận văn thạc sĩ khoa học. Trường Đại học Kinh Tế, Đại học Huế.

Nguyễn Quang Phục và Lê Anh Quý. (2017). Sự cố môi trường biển miền trung và tác động của nó đến việc làm và thu nhập của lao động: nghiên cứu trường hợp tại xã Vinh Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí khoa học và Quản lý và kinh tế*, 3, 103-116.

2. Tài liệu tiếng nước ngoài

Department for International Development (DFID). (1999). *Sustainable Livelihoods and Poverty Elimination*. London: Department for International Development.

Department for International Development (DFID). (2011), *Defining Disaster Resilience: A DFID Approach Paper*. Retrieved on 19th September 2018, from: <https://www.gov.uk/government/publications/defining-disaster-resilience-a-dfid-approach-paper>

Régnier, P., Neri, B., Scuteri, S., & Miniati, S. (2008). From emergency relief to livelihood recovery: lessons learned from post-tsunami experiences in Indonesia and India. *Disaster Prevention and Management: An International Journal*, 17(3), 410-430.

Thorburn, C. (2009). Livelihood recovery in the wake of the tsunami in Aceh. *Bulletin of Indonesian economic studies*, 45(1), 85-105.

UNORC and BRR. (2007). *Tsunami Recovery Indicators Package (TRIP) – For Aceh and Nias, UNORC/BRR*. Jakarta.

Walsh, F. (1996). Family resilience: A concept and its application. *Family Process*, 35(3), 261-282.

SOLUTIONS TO LIVELIHOOD RECOVERY OF PEOPLE WHO ARE FISHING CLOSE TO THE SHORE AND ARE AFFECTED BY THE SEA ENVIRONMENTAL INCIDENT IN THE CENTRAL OF VIETNAM, 2016: A CASE RESEARCH IN PHU DIEN COMMUNITY, PHU VANG DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE

Dinh Nhat Son*, Nguyen Viet Tuan

Hue University – University of Agriculture and Forestry

*Contact email: dinhnhatson@huaf.edu.vn

ABSTRACT

The main purpose of this study is to identify solutions to livelihood recovery of people affected by the sea environmental incident 2016 in Phu Dien community, Phu Vang District, Thua Thien Hue Province. The main contents include: study environmental impact as well as solutions for affected people during and after the incident. This study uses qualitative and quantitative analysis. The qualitative method is used to analyze primary data and secondary data, in which the primary data is collected from the interview results of 30 households who are fishing close to the shore and are affected by the sea environment incident 2016; the data is also derived from interviewing experts and local people who have deep knowledge of local conditions. The secondary data is collected from People's Committee and reviewing documents, books, and magazine. The result indicates that after being suffered from environmental problem, people in Phu Dien community conducted 1 of these 3 following livelihood recovery solutions: (i) Recovery fisheries sector; (ii) Complete conversion of livelihood; (iii) Diversification of livelihoods. Recovery fisheries sector is used by most people here with 86,67% households, who are interviewed, choosing this option, of which 100% household were successful in recovering their livelihood. The implement of those solutions made their livelihood become stable. 98,34% people performing indicated that their income was recovered over 50%. Among them, 10% people evaluated their income recover completely.

Key words: Fishing close to the shore; Sea environmental incident; Livelihood recovery

Received: 18th November 2018

Reviewed: 25th December 2018

Accepted: 10th January 2019